| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 645/2019/QĐST-HNGĐ | *Bình Chánh, ngày 11 tháng 7 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 608/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

– Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Số B21/7 ấp X, xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Ông **Trương Thế B**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B19/27 đường Bình Trường, ấp X, xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thế B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 13 tháng 8 năm 2012. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

[2] Ngày 05 tháng 6 năm 2019, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thế B nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thế B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 13 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thế B không còn giá trị pháp lý.

– Về con chung:

Hai bên thỏa thuận giao các trẻ Trương Nguyễn Tuyết B1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 11/5/2012; trẻ Trương Nguyễn Nhã L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/5/2016 và Trương Nguyễn Lam A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/4/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B khi có đơn yêu cầu.

Ông Trương Thế B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Hai bên thỏa thuận ông Trương Thế B chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002287 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. Y; H. M, TP.HCM
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Tuấn Khương**